TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số:17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07/5/2020
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân và bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Đặng Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2020/ST-HNGĐ ngày 05/3/2020 "Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1986.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Đội 3, thôn Tranh Đ, xã Gia X, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đình H** (tên gọi khác: **Phạm Đình H1**), sinh năm 1980.

Nơi ĐKHKTT: Đội 1, thôn Ngọc C, xã Kiến Q, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký tạm trú: Số 98 B5, khu phố 5, P. PK, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiến Q, huyện Ninh G, Hải Dương vào ngày 13/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở thôn Tranh Đ, xã Gia X, thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nhiều người, phải bán nhà đất của

vợ chồng để trả nợ. Do đó, năm 2012 chị và con về sống cùng với bố mẹ đẻ chị ở cùng thôn, còn anh H vào thành phố Bến Tre sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau, kinh tế của ai người đó quản lý, sử dụng, tuy có liên lạc nhưng chỉ vì con chung. Anh chị mâu thuẫn gia đình nội ngoại hai bên đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị và anh H không còn tình cảm, vợ chồng sống xa nhau nhiều năm nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đình QH, sinh ngày 13/4/2007. Hiện con chung đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Đình H có văn bản trình bày*: Anh và chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiến Q, huyện Ninh G vào năm 2005 và có 01 con chung. Quá trình chung sống, một vài năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hiện, anh sinh sống ở thành phố Bến Tre. Vợ chồng sống ly thân và xa nhau nhiều năm, cả hai đều không mong muốn đoàn tụ nên chị T xin ly hôn với anh, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị T nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và chị T đều thống nhất lựa chọn TAND thành phố Hải Dương giải quyết vụ án. Vì điều kiện ở xa nên anh xin được giải quyết vụ án vắng mặt và ủy quyền cho anh Nguyễn Văn B thay anh giao, nhận các văn bản tố tụng với Tòa án, cũng như sau này nhận bản án, quyết định giải quyết của Tòa án.

** Anh Nguyễn Xuân B trình bày*: Anh nhất trí nhận sự ủy quyền của anh H, các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh, anh đều đã thông báo nội dung cho anh H biết, anh H nhất trí và không có ý kiến gì.

** Kết quả xác minh tại UBND xã Kiến Q, huyện Ninh G:* Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiến Q vào ngày 13/9/2005. Sau khi kết hôn, anh chị không sinh sống tại địa phương nên không biết anh chị có mâu thuẫn gì không.

** Kết quả xác minh tại UBND xã Gia X, TP. Hải Dương*: Chị T và anh H là vợ chồng, chung sống cùng nhau ở địa phương từ năm 2006 đến năm 2012 thì anh H không ở cùng chị T. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham chơi, không chịu làm ăn. Nay chị T có đơn khởi

kiện yêu cầu được ly hôn với anh H và giải quyết cho chị T được nuôi con, quan điểm của UBND xã là nhất trí.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Đương sự cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72,73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ xử: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Đình H (tên gọi khác là Phạm Đình H1); về con chung, giao cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Phạm Đình QH, sinh ngày 13/4/2007 và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết; về án phí, chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lựa chọn TAND thành phố Hải Dương nơi nguyên đơn cư trú để giải quyết vụ án nên TAND thành phố Hải Dương có thẩm quyền giải quyết vụ án theo điểm b kH1 1 Điều 39 BLTTDS.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự và kết quả xác minh thấy rằng: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiến Q, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/9/2005, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn. Năm 2012, anh chị không chung sống cùng, chị T sinh sống ở địa phương, còn anh H sinh sống ở thành phố Bến Tre. Hiện anh chị không quan tâm đến nhau. Chị T xin ly hôn, anh H nhất trí. Xét thấy, anh chị sống xa nhau nhiều năm nay, không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xét cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp.

- Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Phạm Đình QH, sinh ngày 13/4/2007. Chị T và anh H đều có quan điểm thống nhất để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu

cầu trên của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung được ở với mẹ, nên Tòa án chấp nhận, giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, kH1 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Đình H (tên gọi khác là Phạm Đình H1).

- Về quan hệ con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Đình QH, sinh ngày 13/4/2007, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Anh Phạm Đình H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000996 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Hải Dương;
- Cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến Q, Ninh G;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hà